BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ TP.HỒ CHÍ MINH

TRẦN PHƯỚC

MỘT SỐ GIẢI PHÁP NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG TỔ CHỨC SỬ DỤNG PHẦN MỀM KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP VIỆT NAM

Chuyên ngành: Kế toán – tài vụ và phân tích hoạt động kinh tế
Mã số: 5.02.11

TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ KINH TẾ

TP. HỒ CHÍ MINH - NĂM 2007

Công trình được hoàn thành tại: Trường Đại học Kinh tế Tp.Hồ Chí Minh.

Người hướng dẫn khoa học:

1. PGS.TS. Phạm Văn Dược
2. TS. Bùi Quốc Định

Phản biện 1: PGS.TS. Nguyễn Thị Đông
Trường Đại học Kinh tế quốc dân

Phản biện 2: PGS.TS. Phạm Văn Đăng
Vụ Chế độ Kế toán Kiểm toán, Bộ Tài chính

Phản biện 3: PGS.TS. Đoàn Xuân Tiên
Học viện Tài chính

Luận án đã được bảo vệ trước Hội đồng chấm luận án cấp Nhà nước họp tại: Trường Đại học Kinh tế Tp.Hồ Chí Minh.
Vào hồi 14h giờ 00, ngày 23 tháng 6 năm 2007.

Có thể tìm hiểu luận án tại thư viện: Trường Đại học Kinh tế Tp.Hồ Chí Minh và Thư viện Quốc gia.

DANH MỤC CÔNG TRÌNH CỦA TÁC GIẢ ĐÃ CÔNG BỐ LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN

(1) Trần Phước (2003), "Ứng dụng công nghệ thông tin cho doanh nghiệp - Những yêu cầu về xây dựng cơ sở dữ liệu để quản lý và trao đổi thông tin", *Tạp chí Công nghiệp Việt Nam*, (Số 6), tr.28-29.

(2) Trần Phước (2006), "Các giải pháp nâng cao chất lượng phần mềm kế toán", *Tạp chí kế toán,* (Số 62), tr.26-28,31.

(3) Trần Phước (2006), "Chống thất thu thuế qua việc thẩm định phần mềm kế toán", *Tạp chí kế toán,* (Số 62), tr.20-22.

(4) Trần Phước (2006), "Phần mềm kế toán chọn nội hay ngoại", *Tuần báo Công nghiệp Việt Nam,* (số 42 - 562), tr.10.

(5) Trần Phước (2007), "Kiểm toán hệ thống thông tin", Tạp chí kế toán, (Số 64), tr.25-27.

MỞ ĐẦU

1. SỰ CẦN THIẾT CỦA ĐỀ TÀI

Một thành phần cơ bản để điện toán hóa công tác kế toán chính là phần mềm kế toán. Phần mềm kế toán là sản phẩm cụ thể nhưng về mặt lý luận nó là phần giao thoa của nhiều lĩnh vực nghiên cứu. Đứng dưới góc độ công nghệ thông tin, phần mềm kế toán là kết quả của công việc khảo sát, phân tích, thiết kế, lập trình, cài đặt. Đứng dưới góc độ kế toán, là công cụ thay thế công việc kế toán bằng thủ công. Dưới góc độ kinh tế, là một sản phẩm cụ thể chịu sự tác động của các quy luật thị trường.

Điều lý thú và cũng là thử thách lớn đối với phần mềm kế toán là tất cả lĩnh vực trên không tách rời được mà tương tác lẫn nhau. Do đó, một nghiên cứu về phần mềm kế toán để nâng cao chất lượng tổ chức sử dụng để làm rõ và định hướng về mối quan hệ đa lĩnh vực nói trên, đồng thời cung cấp một cơ sở lý luận cơ bản, thực tiễn quan trọng cho việc phát triển và tổ chức sử dụng phần mềm kế toán, đáp ứng nhu cầu thông tin của doanh nghiệp trong quá trình kinh doanh là vấn đề cần thiết.

2. MỤC ĐÍCH VÀ PHẠM VI NGHIÊN CỨU

Mục đích của luận án là nghiên cứu về hệ thống thông tin kế toán trong điều kiện tin học hóa công tác kế toán nhằm đưa ra giải pháp tổ chức sử dụng phần mềm kế toán doanh nghiệp ở Việt Nam. Đồng thời để đồng bộ hóa với giải pháp tổ chức sử dụng, luận án đề xuất giải pháp tổ chức thiết kế phần mềm kế toán.

Với mục đích trên, phạm vi nghiên cứu của luận án tập trung vào những vấn đề: Lý luận tổng quan về kế toán; Luật, Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp; Hệ thống thông tin kế toán; Quy trình thiết kế phần mềm kế toán; Khảo sát thực tế việc thiết kế và tổ chức sử dụng phần mềm kế toán doanh nghiệp tại Việt Nam.

Tuy nhiên, đề tài này liên quan cả lĩnh vực kế toán và công nghệ thông tin, vì vậy về kế toán: nghiên cứu tổng quan về kế toán, hệ thống thông tin kế toán, về tin học: nghiên cứu phương pháp tổ chức khảo sát, phân tích thiết kế phần mềm kế toán. Không đề cập đến giải thuật, thuật toán, lập trình.

3. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Phương pháp nghiên cứu chủ yếu được tác giả vận dụng là phương pháp duy vật biện chứng, thống kê, so sánh, phân tích và tổng hợp.

4. NHỮNG ĐÓNG GÓP CỦA NGHIÊN CỨU

(1) Hệ thống hóa lý luận về hệ thống thông tin kế toán. (2) Cung cấp kết quả khảo sát và đánh giá thực trạng phần mềm kế toán trên thị trường Việt Nam. (3) Đề xuất các giải pháp nâng cao tổ chức sử dụng phần mềm kế toán. (4) Đề xuất các giải pháp thiết kế phần mềm kế toán. (5) Kiến nghị Nhà nước, doanh nghiệp, cơ sở đào tạo hỗ trợ để doanh nghiệp nâng cao chất lượng tổ chức sử dụng phần mềm kế toán.

5. KẾT CẤU LUẬN ÁN

Ngoài phần mở đầu, kết luận, phụ lục, luận án có khối lượng 190 trang, 11 sơ đồ, 12 bảng, 6 hình và có kết cấu như sau:

Chương 1: Tổng quan về kế toán, hệ thống thông tin kế toán, 47 trang (từ trang 4 đến trang 50).

Chương 2: Thực trạng tình hình tổ chức sử dụng phần mềm kế toán ở các doanh nghiệp Việt Nam, 66 trang (từ trang 51 đến trang 116).

Chương 3: Một số giải pháp nâng cao chất lượng tổ chức sử dụng phần mềm kế toán cho các doanh nghiệp Việt Nam, 77 trang (từ trang 117 đến trang 193).

ଔ

CHƯƠNG 1
TỔNG QUAN VỀ KẾ TOÁN
HỆ THỐNG THÔNG TIN KẾ TOÁN

1.1 TỔNG QUAN VỀ KẾ TOÁN

1.1.1 Bản chất của kế toán

Kế toán là việc thu thập, xử lý, kiểm tra, phân tích và cung cấp thông tin kinh tế, tài chính dưới hình thức giá trị, hiện vật và thời gian lao động [19]. Dưới góc độ này thì bản chất của kế toán là hoạt động ghi chép, phân loại tổng hợp thông tin theo một số nguyên tắc nhằm cung cấp thông tin hữu ích cho người sử dụng.

Những tiến bộ vượt bậc của cuộc cách mạng khoa học kỹ thuật, đặc biệt kỹ thuật số đang làm cho bản chất của kế toán cần phải có sự nhìn nhận lại đó là: Kế toán là một hệ thống thông tin nhằm đo lường, xử lý và truyền đạt những thông tin về tài chính của một tổ chức hay một doanh nghiệp [55]. Dưới góc độ này thì bản chất của kế toán là một hệ thống xử lý và cung cấp thông tin hữu ích đã được số hóa.

1.1.2 Đối tượng của kế toán

Đối tượng kế toán nói chung là vốn và sự chu chuyển của vốn trong một đơn vị cụ thể. Nghiên cứu về vốn là nghiên cứu về tài sản, và nguồn hình thành tài sản. Sự chu chuyển của vốn thực tế là sự vận động của tài sản tham gia vào hoạt động sản xuất kinh doanh trong kỳ là chi phí kinh doanh, chi phí kinh doanh là yếu tố đầu vào tạo ra sản phẩm và khi bán sản phẩm thì tạo ra doanh thu, chênh lệch giữa doanh thu và chi phí là lợi nhuận. Lợi nhuận lại bổ sung vốn.

1.1.3 Vai trò, yêu cầu, nguyên tắc của kế toán

Vai trò của kế toán

Kế toán phục vụ cho các nhà quản lý kinh tế; Kế toán phục vụ các nhà đầu tư; Kế toán phục vụ Nhà nước.

Yêu cầu của kế toán

Trung thực, khách quan, đầy đủ, kịp thời, dễ hiểu, và có thể so sánh được.

Các nguyên tắc kế toán

Nguyên tắc cơ sở dồn tích; Nguyên tắc hoạt động liên tục; Nguyên tắc giá gốc; Nguyên tắc phù hợp; Nguyên tắc nhất quán; Nguyên tắc thận trọng; Nguyên tắc trọng yếu.

Tóm lại: Công việc của kế toán dù thực hiện bằng thủ công hay bằng phần mềm kế toán đều phải tuân thủ các yêu cầu và nguyên tắc theo quy định của pháp luật về kế toán và các nguyên tắc chung được thừa nhận.

1.2 HỆ THỐNG KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP

1.2.1 Chứng từ kế toán

Chứng từ kế toán là loại giấy tờ, vật mang tin dùng để minh chứng cho các nghiệp vụ kinh tế phát sinh đã hoàn thành, làm căn cứ ghi sổ kế toán [19].

1.2.2 Tài khoản kế toán

Tài khoản kế toán là một trong những phương pháp kế toán dùng để phân loại và hệ thống hóa các nghiệp vụ kinh tế, tài chính theo nội dung kinh tế.

1.2.3 Sổ kế toán

Sổ kế toán là các tờ sổ theo một mẫu nhất định dùng để ghi chép, hệ thống và lưu trữ toàn bộ các nghiệp vụ kinh tế, tài chính đã phát sinh có liên quan đến đơn vị kế toán.

1.2.4 Báo cáo tài chính và báo cáo kế toán quản trị

Báo cáo tài chính là hệ thống báo cáo có tính chất khuôn mẫu, dùng để cung cấp thông tin về tình hình tài chính, tình hình kinh doanh và các luồng tiền của một doanh nghiệp.

Khác với báo cáo tài chính, báo cáo kế toán quản trị trong doanh nghiệp là hệ thống báo cáo được tổ chức mang tính linh hoạt, phù hợp yêu cầu, nội dung quản lý của từng đơn vị không mang tính khuôn mẫu.

1.3 HỆ THỐNG THÔNG TIN KẾ TOÁN

1.3.1 Khái niệm về hệ thống thông tin kế toán

Hệ thống thông tin kế toán là một tập hợp các nguồn dữ liệu và thủ tục xử lý dữ liệu để tạo ra những thông tin hữu ích cho người sử dụng [53].

Hệ thống thông tin kế toán trong môi trường hiện đại ngày nay là phần giao thoa giữa hai lĩnh vực: hệ thống thông tin với hệ thống kế toán. Mối liên hệ giữa hệ thống thông tin và hệ thống kế toán có thể khái quát qua Sơ đồ 1.1.

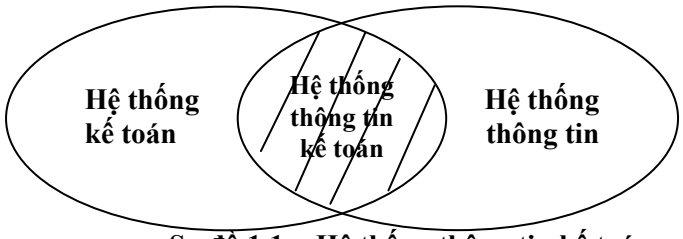

Sơ đồ 1.1 - Hệ thống thông tin kế toán

Sự giao thoa giữa hai lĩnh vực trên tạo ra một đối tượng nghiên cứu mới đó là *Hệ thống thông tin kế toán*, đây là xu thế tất yếu của thời đại toàn cầu hóa.

1.3.2 Cấu trúc hệ thống thông tin kế toán

Tóm tắt hệ thống thông tin kế toán minh họa qua Sơ đồ 1.2.

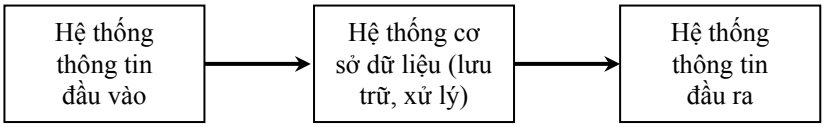

Sơ đồ 1.2 - Cấu trúc hệ thống thông tin kế toán

Hệ thống thông tin đầu vào:

Có hai thành phần cơ bản, (1) Hệ thống chứng từ gốc, là một cơ sở quan trọng để tạo lập hệ thống thông tin đầu vào. (2) Hệ thống thu nhận chứng từ gốc, được sắp xếp tùy theo tổ chức của hệ thống thông tin kế toán của một đơn vị.

Hệ thống cơ sở dữ liệu:

Cơ sở dữ liệu là một tập hợp có cấu trúc của các dữ liệu, được lưu trữ trên các vật mang tin, có thể thỏa mãn đồng thời nhiều người sử dụng [28]. Với hệ thống kế toán xử lý bằng thủ công, dữ liệu được lưu trữ trên các vật mang tin là giấy và cấu trúc của các dữ liệu là các mẫu chứng từ, mẫu sổ kế toán. Với hệ thống kế toán xử lý bằng phần mềm kế toán, dữ liệu được lưu trữ trên các vật mang tin là đĩa hay băng từ dưới dạng các tập tin hay một hệ thống quản trị cơ sở dữ liệu.

Hệ thống thông tin đầu ra:

Gồm những thông tin trên sổ kế toán, báo cáo tài chính và báo cáo quản trị nhằm cung cấp thông tin cho các đối tượng bên trong hay bên ngoài doanh nghiệp để ra quyết định.

Hệ thống kiểm soát nội bộ

Hệ thống kiểm soát nội bộ là một hệ thống chính sách được thiết kế và chịu ảnh hưởng bởi các nhà quản lý nhằm cung cấp một sự đảm bảo hợp lý để thực hiện các mục tiêu: (1) Hệ thống hoạt động hữu hiệu và hiệu quả, (2) Cung cấp thông tin đáng tin cậy, (3) Tuân thủ các luật lệ quy định [60].

1.3.3 Phần mềm kế toán

Khái niệm và vai trò

Phần mềm kế toán là bộ chương trình dùng để tự động xử lý các thông tin kế toán trên máy vi tính, bắt đầu từ khâu nhập liệu,

phân loại, xử lý thông tin trên các chứng từ theo quy trình của chế độ kế toán đến khâu in ra sổ kế toán và báo cáo tài chính, báo cáo kế toán quản trị [7].

Vai trò của phần mềm kế toán, là công cụ thay thế toàn bộ hay một phần công việc kế toán bằng thủ công; Vai trò số hóa thông tin.

Cơ chế vận hành của phần mềm kế toán:

Về cơ bản được thực thi theo các quy trình kinh doanh như: quy trình bán hàng, quy trình mua hàng, quy trình sản xuất, quy trình tài chính, quy trình quản lý nguồn lực,…

Tiêu chí đánh giá chất lượng phần mềm kế toán:

Chất lượng, theo quan niệm của người tiêu dùng, là sự phù hợp với mục đích sử dụng [18]. Sản phẩm chất lượng phải là sản phẩm thỏa mãn yêu cầu: Tính năng kỹ thuật; Tính kinh tế; Tính an toàn; Thời gian và điều kiện giao nhận sản phẩm.

1.3.4 Tổ chức hệ thống thông tin kế toán trong doanh nghiệp

Nội dung công việc tổ chức:

Các giai đoạn thực hiện để triển khai một hệ thống thông tin (HTTT) kế toán có 5 giai đoạn, được tóm tắt tại **Sơ đồ 1.3.**

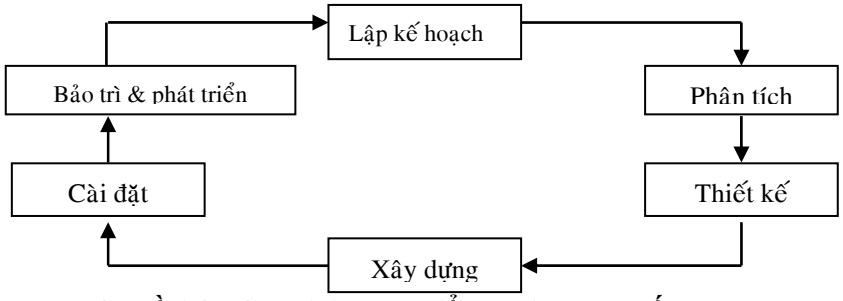

Sơ đồ 1.3 - Các giai đoạn triển khai HTTT kế toán

Tổ chức nhân sự:

Các thành phần tham gia và vai trò của con người trong việc tổ chức hệ thống thông tin kế toán gồm: Ban lãnh đạo doanh

nghiệp; Những người làm công tác kế toán - kiểm toán; Người phân tích, lập trình hệ thống;...

Tổ chức trang bị phần cứng và phần mềm ứng dụng:

Để tổ chức thành công hệ thống thông tin kế toán bằng tin học hóa thì vấn đề tổ chức trang bị phần cứng máy tính và phần mềm ứng dụng là một quyết định quan trọng bởi lẽ công việc này liên quan đến tính hữu hiệu và hiệu quả của vấn đề tổ chức hệ thống thông tin.

1.4. CÁC YẾU TỐ CHI PHỐI HỆ THỐNG THÔNG TIN KẾ TOÁN

1.4.1 Môi trường pháp lý

Hệ thống kế toán được tạo lập, tồn tại và phát triển dựa trên nền tảng pháp lý của một quốc gia. Các yếu tố pháp lý thông thường chi phối đến hệ thống kế toán bao gồm cơ chế kinh tế, cơ chế phân cấp việc soạn thảo pháp luật liên quan đến công việc của kế toán. Việc tạo lập môi trường pháp lý chặt chẽ sẽ là yếu tố chi phối tích cực đến sự minh bạch của thông tin qua hệ thống kế toán quốc gia.

1.4.2 Môi trường kinh doanh

Sự phát triển của khoa học kỹ thuật đã làm cho môi trường kinh doanh thay đổi, đây là yếu tố khách quan chi phối trực tiếp đến hệ thống kế toán. Vì vậy hệ thống kế toán tất yếu phải được sửa đổi bổ sung cho phù hợp với sự phát triển nền kinh tế.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 1

Chương 1 đề cập các vấn đề lý luận chung về kế toán, hệ thống thông tin kế toán. Trong đó trình bày các thành phần cơ bản hệ thống thông tin kế toán. Vai trò phần mềm kế toán, cơ chế vận hành và các giai đoạn tổ chức thực hiện hệ thống thông tin kế toán. Các yếu tố chi phối đến hệ thống thông tin kế toán.

CHƯƠNG 2

THỰC TRẠNG TÌNH HÌNH TỔ CHỨC SỬ DỤNG PHẦN MỀM KẾ TOÁN Ở CÁC DN TẠI VIỆT NAM

2.1 LƯỢC SỬ SỰ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN CỦA HỆ THỐNG THÔNG TIN KẾ TOÁN Ở VN

Quá trình hình thành phát triển của hệ thống thông tin kế toán nước ta gắn liền với sự phát triển của hệ thống thông tin quản lý được thể hiện cụ thể qua các giai đoạn lịch sử của cuộc đấu tranh bảo vệ tổ quốc và cuộc cách mạng công nghệ thông tin, có thể khái quát qua Sơ đồ 2.1.

Giai đoạn trước năm 1970

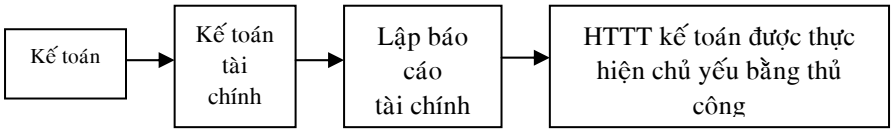

Giai đoạn 1970 - 1980

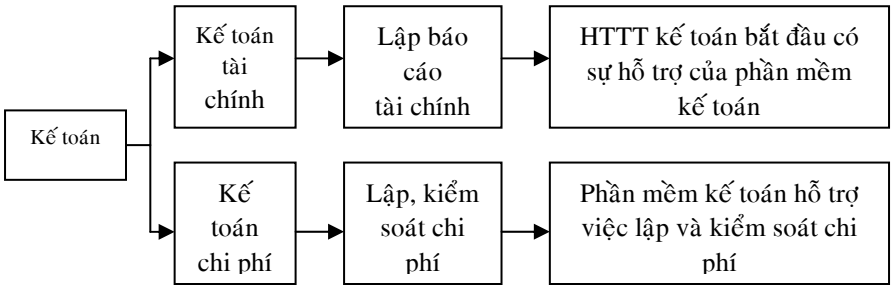

Giai đoạn 1980 đến nay

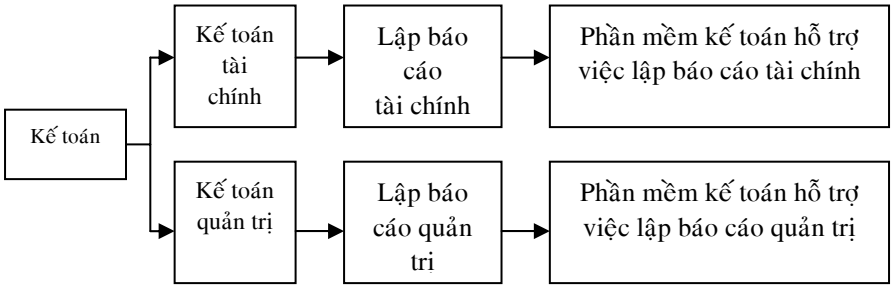

Sơ đồ 2.1 Sự phát triển hệ thống thông tin kế toán

2.2 CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT VỀ VIỆC ỨNG DỤNG CNTT VÀO CÔNG TÁC KẾ TOÁN

Trước năm 2003

Trong Quyết định 1141 TC/QĐ/CĐKT ngày 1/11/1995 về chế độ sổ kế toán, rất ít đề cập đến những quy định về sổ sách và chứng từ làm bằng máy vi tính. Các quy định trên được xây dựng chủ yếu dựa trên nguyên tắc kế toán bằng thủ công.

Từ năm 2003

Sau thời điểm ban hành Luật kế toán, Quyết định 15/2006/QĐ-BTC, Quyết định 48/2006/QĐ-BTC của Bộ Tài chính về chế độ sổ kế toán, đề cập còn khá đơn giản đến những quy định về sổ sách và chứng từ làm bằng máy vi tính. Đối với tiêu chuẩn và điều kiện của phần mềm kế toán: Thông tư 103/2005/TT-BTC, quy định 4 tiêu chuẩn và điều kiện sử dụng phần mềm kế toán, còn thiếu những nguyên tắc cần phải cụ thể hơn chứ không như: "Phần mềm kế toán phải hỗ trợ cho người sử dụng tuân thủ các quy định của Nhà nước về kế toán", hay "Phần mềm kế toán phải đảm bảo tính bảo mật thông tin và an toàn dữ liệu".

2.3 THỰC TRẠNG ỨNG DỤNG CNTT VÀO CÔNG TÁC KẾ TOÁN Ở CÁC DOANH NGHIỆP

2.3.1 Thực trạng ứng dụng công nghệ phần cứng

Theo cuộc điều tra do Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) tiến hành vào tháng 8 năm 2005 với tổng số 2.233 doanh nghiệp. Cuộc điều tra tập trung vào 5 nhóm sản phẩm chính là máy tính để bàn, máy tính xách tay, máy chủ (server), máy in và máy scan. Máy tính để bàn chiếm tỷ lệ sử dụng cao nhất với 67,1%; máy in đứng vị trí thứ hai với 20%; máy tính xách tay chiếm 7,6% còn lại là máy chủ (2,3%) và máy scan (3%).

2.3.2 Thực trạng ứng dụng sản phẩm phần mềm:

Phần mềm chuyên dùng hiện nay vẫn chủ yếu là các phần mềm kế toán. Giải pháp hoạch định nguồn lực doanh nghiệp (ERP)

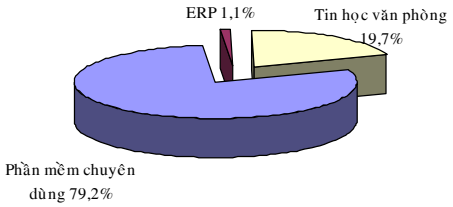

Hình 2.4 – Tình hình ứng dụng phần mềm

chỉ chiếm tỷ lệ thấp trong tổng thể thị trường phần mềm và giải pháp hỗ trợ kinh doanh, còn lại là các ứng dụng tin học văn phòng (xem Hình 2.4).

2.3.3 Thực trạng về tổ chức kế toán trong điều kiện ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT)

Công tác tổ chức phòng điện toán tại các DN

Theo khảo sát của VCCI và của tác giả luận án thì tại Việt Nam các năm gần đây, hầu hết các doanh nghiệp đều mua sắm máy vi tính để sử dụng vào công tác quản lý doanh nghiệp. Các doanh nghiệp nhỏ thông thường không tổ chức một phòng điện toán riêng mà chỉ sử dụng một máy chủ, kết nối với các bộ phận còn lại trong doanh nghiệp. Các doanh nghiệp có quy mô vừa hay lớn thường tổ chức một phòng điện toán riêng, có chức năng quản lý thông tin từ các bộ phận/ phòng ban/ chi nhánh trong toàn doanh nghiệp. Máy chủ server thường đặt tại phòng điện toán Phòng điện toán có nhiệm vụ phát triển, cài đặt, bảo trì tất cả phần mềm và phần cứng của toàn doanh nghiệp.

Thực trạng tổ chức hệ thống thông tin kế toán trong điều kiện ứng dụng công nghệ thông tin

Trong thực tế tại hầu hết các doanh nghiệp Việt Nam, đặc biệt doanh nghiệp nhỏ và vừa, quy trình triển khai ứng dụng phần mềm kế toán không đúng theo các giai đoạn như mô tả **Sơ đồ 1.3** (Chương 1). Không lập kế hoạch, không tổ chức khảo sát và phân tích kỹ lưỡng. Máy vi tính, phần mềm kế toán được xem như công cụ hỗ trợ tính toán nhanh hơn, in ấn đẹp hơn.

Thực trạng kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin

Cũng theo khảo sát của VCCI thì có 22,8% số doanh nghiệp thừa nhận có dưới 40% số nhân viên của họ có những kỹ năng cơ bản trên. Mặt khác, gần 63% số doanh nghiệp có dưới 20% số nhân viên có khả năng sử dụng các chương trình hỗ trợ kinh doanh như phần mềm kế toán, quản lý nhân sự hay các giải pháp quản lý nguồn lực doanh nghiệp.

2.3.3 Đánh giá thực trạng ứng dụng công nghệ thông tin

Thứ nhất, các doanh nghiệp VN đầu tư cho phần cứng như máy tính, máy in, máy chủ,… ở mức khá dồi dào.

Thứ hai, về ứng dụng phần mềm, phần lớn gần 80% doanh nghiệp có các phần mềm chuyên dụng hỗ trợ kinh doanh như kế toán, nhân sự, kiểm soát kho v.v.

Thứ ba, nhận thức về việc sử dụng các dịch vụ bên ngoài như tư vấn, thiết kế website... còn khá hạn chế.

Thứ tư, nhận thức về kinh doanh thương mại điện tử còn rất ít, tuy số lượng kết nối internet khá cao 91%. Số có website riêng dưới 30% trên tổng số doanh nghiệp được khảo sát.

Thứ năm, kỹ năng sử dụng và ứng dụng CNTT của nhân viên trong doanh nghiệp cũng là một điều đáng lo ngại.

Thứ sáu, nhìn chung thị trường CNTT Việt Nam vẫn do các công ty quốc tế lấn át.

Thứ bảy, các bộ phận trong doanh nghiệp thì phòng kế toán là nơi ứng dụng CNTT nhiều nhất (83,2%).

Thứ tám, các doanh nghiệp lớn thông thường tổ chức phòng điện toán trực thuộc phòng kế toán.

Thứ chín, quy trình triển khai phần mềm ứng dụng hỗ trợ kinh doanh trong đó kể cả phần mềm kế toán hầu hết các doanh nghiệp đều không thực hiện theo đúng quy trình.

Tóm lại, chính từ những điểm hạn chế như vậy mà tiềm năng cho sự phát triển của ngành CNTT nói chung và mảng phần mềm, dịch vụ CNTT tại Việt Nam nói riêng còn rất lớn.

2.4 ĐÁNH GIÁ VỀ PHẦN MỀM KẾ TOÁN VÀ TỔ CHỨC SỬ DỤNG PHẦN MỀM KẾ TOÁN Ở CÁC DOANH NGHIỆP TẠI VIỆT NAM

2.4.1 Đánh giá các phần mềm kế toán

Đánh giá tổng quan:

Các tiêu chí đánh giá dựa theo tiêu chuẩn sản phẩm đã nêu ra trong Chương 1, được cụ thể hóa như sau:

Về việc phân loại phần mềm, hầu hết các nhà cung cấp các sản phẩm phần mềm trong nước như Accnet 2004, Fast Accounting 2006, Bravo 6.0, Effect, … chủ yếu thiết kế để cung cấp cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa.

- *Khả năng lập báo cáo kế toán*, theo khảo sát của tác giả, đa số các phần mềm đều lập được báo cáo tài chính theo yêu cầu của chế độ kế toán, tuy nhiên khả năng lập báo cáo tài chính tổng hợp hay hợp nhất chỉ có phần mềm JD Edward, Oracle Finacial hay SAP (đều của nước ngoài) thực hiện được. Khả năng lập các báo cáo liên quan kế toán quản trị còn khá đơn giản như ViNet 2004, Fast 2006, Bravo, …

- *Khả năng hạch toán đa tiền tệ,* phương pháp hạch toán ngoại tệ và xử lý ngoại tệ hầu như là các điểm yếu của các phần mềm.

- *Khả năng quản lý hàng tồn kho,* thuần túy quản lý nhập xuất tồn chi tiết hoặc tổng hợp. Các chức năng quản trị hàng tồn kho như hoạch định tài nguyên nguyên vật liệu, quản lý theo dõi phẩm chất, hạn sử dụng hoặc lô hàng rất hạn chế.

- *Khả năng hoạch định sản xuất*, hầu hết đều có khả năng tập hợp chi phí sản xuất, đối tượng tập hợp chi phí sản xuất có thể tập hợp theo phân xưởng, theo nhóm mặt hàng, theo mặt hàng, theo công đoạn.

Kiểm soát dấu vết dữ liệu

Đa số các doanh nghiệp phần mềm khi thiết kế đều cho phép người sử dụng điều chỉnh được số liệu khi có sai sót. Tuy nhiên cơ chế kiểm soát việc sửa chữa dữ liệu khá nhiều phần mềm không theo dõi được dấu vết dữ liệu (AccNet, Effect,..).

Kiểm soát nội bộ

- *Kiểm soát quyền sử dụng hệ thống,* các phần mềm đều thiết lập password theo từng người sử dụng.

- *Kiểm soát chương trình,* hầu hết chương trình kế toán do các nhà cung cấp dịch vụ thiết kế thì đều biên dịch.

- *Bảo vệ dữ liệu,* các cơ sở dữ liệu chỉ có Accnet 2004, Fast Accounting 2006, DAS 4.0, ASC 6.0, ViNet, Accpac, Navision là các cơ sở dữ liệu mở, không mã hóa, nếu có quyền thì người sử dụng có thể thâm nhập được, các công cụ hỗ trợ lập báo cáo khác như Crystal Reports, FRx,… có thể thâm nhập vào để tập hợp thông tin phục vụ cho các yêu cầu khác nhau được.

Khả năng lập sổ kế toán và báo cáo kế toán

- Về sổ kế toán: Các phần mềm như Accnet 2004, Fast 2006, IAS 30.0, Vinet 1.0, QuickBooks,… thường thiết kế sẵn

những mẫu sổ chi tiết (hàng tồn kho, tiền mặt, công nợ,…, sổ tổng hợp như sổ cái. Một số phần mềm khác, người sử dụng có thể tự thiết kế được sổ sách như Effect, Solomon, JD Edwards,..

- Về báo cáo kế toán: Các báo cáo tài chính có tính khuôn mẫu nên hầu hết các phần mềm đều có thiết kế sẵn. Các báo cáo kế toán phục vụ cho kế toán quản trị, còn khá hạn chế ở những phần mềm được sản xuất trong nước.

2.4.2 Đánh giá tổ chức sử dụng phần mềm kế toán

Đánh giá về việc tổ chức ban đầu:

Hầu hết các doanh nghiệp có vốn trong nước tại Việt Nam đều giao cho kế toán trưởng. Vì vậy công việc tổ chức sử dụng có doanh nghiệp thành công, và cũng có doanh nghiệp không thành công, ông Hà Thân, giám đốc Công ty Lạc Việt đã phát biểu rằng "Việc điện toán hóa công tác kế toán thành công, nếu có sự quan tâm theo dõi hay chỉ đạo trực tiếp của Giám đốc doanh nghiệp", lý do ông đưa ra là khi chuyển đổi hệ thống đòi hỏi nhân viên kế toán phải đảm đương công việc hiện tại (có thể là làm bằng thủ công hay đang làm một phần mềm kế toán khác nhưng không đáp ứng được yêu cầu thông tin,…) vừa phải triển khai phần mềm mới.

Đánh giá về việc thiết kế hay lựa chọn phần mềm kế toán:

Việc thiết kế hay chọn lựa phần mềm kế toán có sẵn, thực tế các doanh nghiệp đã lựa chọn theo những cơ sở như: theo kinh nghiệm, theo giới thiệu của đồng nghiệp đã làm, một số ít theo giới thiệu của tư vấn. Sau khi xác định được nhà cung cấp, các bước tiếp theo xem bản mẫu (demo), yêu cầu gởi Bảng báo giá, chạy thử,...

Đánh giá về việc sử dụng phần mềm kế toán:

Về mức độ thỏa mãn tổ chức sử dụng của phần mềm kế toán: Với yêu cầu này tác giả luận án đã khảo sát và kết quả có: 75% thỏa mãn, 16% không thỏa mãn và 9% chưa xác định mức thỏa mãn.

Về mức độ thỏa mãn việc sử dụng phần mềm kế toán:

Đánh giá một cách tổng quát thì đạt loại rất tốt chiếm tỷ lệ 9%, tốt 36%, trung bình 24%, không tốt 12% và kém 19%. Qua đó chúng ta biết được tỷ lệ phần mềm có chất lượng từ tốt trở lên là 45%. Điều này cho biết phần mềm có chất lượng tốt tại Việt Nam hiện nay chưa vượt qua mức 50%, nghĩa là cần phải bổ sung và nâng cao chất lượng thiết kế và sử dụng phần mềm kế toán trên thị trường VN hiện nay.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 2

Đánh giá thực trạng việc ứng dụng công nghệ thông tin và phần mềm kế toán trong công việc điện toán hóa công tác quản lý nói chung và công tác kế toán nói riêng để nâng cao chất lượng tổ chức sử dụng phần mềm kế toán là việc cần thiết để hoàn thiện chúng trong điều kiện mới. Qua nghiên cứu sơ lược về quá trình hình thành và phát triển của hệ thống thông tin kế toán nước ta, các quy định pháp luật liên quan đến việc tổ chức sử dụng phần mềm kế toán trong điều kiện điện toán hóa công tác kế toán, thừa kế kết quả điều tra của VCCI, tự thực hiện khảo sát thực trạng về các phần mềm hiện đang sử dụng (kể cả nhà cung cấp và đơn vị sử dụng), tác giả luận án nhận định rằng cần thiết phải đưa ra những đề xuất để nâng cao chất lượng tổ chức sử dụng phần mềm kế toán. Mặt khác nhằm đồng bộ hóa với việc tổ chức sử dụng, luận án cũng đưa ra những giải pháp đối với đơn vị thiết kế phần mềm kế toán cũng phải nâng cấp phần mềm của mình đang hiện hữu trên thị trường.

CHƯƠNG 3

MỘT SỐ GIẢI PHÁP NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG TỔ CHỨC SỬ DỤNG PHẦN MỀM KẾ TOÁN CHO CÁC DOANH NGHIỆP TẠI VIỆT NAM

3.1 CÁC QUAN ĐIỂM LÀM CĂN CỨ CHO CÁC GIẢI PHÁP ĐƯỢC ĐỀ XUẤT

3.1.1 Quan điểm về tổ chức hệ thống thông tin kế toán

Việc tổ chức công tác bằng máy vi tính đặt ra những yêu cầu mới đòi hỏi phải có những thay đổi căn bản trong tổ chức công tác kế toán so với kế toán thủ công.

3.1.2 Quan điểm về cung ứng và tổ chức sử dụng phần mềm kế toán

- Quan điểm kế thừa và phát triển: Kế thừa những thành tựu khoa học phát triển trên thế giới đã có để thiết kế và sử dụng phần mềm kế toán phù hợp với doanh nghiệp tại VN là việc làm cần thiết.

- Quan điểm đơn giản thiết thực: Thiết kế, tổ chức sử dụng phần mềm kế toán phải đơn giản, dễ hiểu, nhưng thiết thực.

- Quan điểm phù hợp và tương xứng: Người sử dụng khi đầu tư mua một phần mềm thì phần mềm phải đáp ứng được yêu cầu về quản lý và cung cấp thông tin.

3.2 CÁC GIẢI PHÁP TỔ CHỨC SỬ DỤNG HIỆU QUẢ PHẦN MỀM KẾ TOÁN

3.2.1 Giải pháp về tổ chức khảo sát để xây dựng hệ thống thông tin kế toán trong doanh nghiệp

Khảo sát và phân tích là hai giai đoạn đầu tiên để xây dựng hệ thống thông tin kế toán của doanh nghiệp. Có hai bước khảo sát:

- Khảo sát ban đầu:

Mục đích: Làm sáng tỏ các vấn đề như: (1) Các khâu nào của công việc kế toán cần điện toán hóa? (2) Thời gian để thực

hiện. (3) Chi phí của dự án điện toán hóa công việc kế toán. (4) Xác định những nhân tố ảnh hưởng đến dự án.

Phương pháp tiến hành: Xác định những phần hành công việc của kế toán cần điện toán hóa; Xác định phạm vi của từng yêu cầu để chỉ ra từng vấn đề cụ thể; Xác định nhân sự sử dụng trực tiếp phần mềm kế toán; Viết báo cáo về khảo sát ban đầu.

- Khảo sát chi tiết:

Đối với kế toán tài chính: Khảo sát các yêu cầu về lập báo cáo tài chính; chứng từ kế toán; sổ kế toán (nghiên cứu về hình thức kế toán, sổ kế toán chi tiết/tổng hợp).

Đối với kế toán quản trị: Khảo sát về lập dự toán; quản lý sản xuất và tính giá thành; quản trị bán hàng; nhu cầu phân tích tài chính; quản trị dự án;…

3.2.2 Giải pháp về quy trình lựa chọn phần mềm kế toán

Quá trình lựa chọn phần mềm kế toán, doanh nghiệp cần thực hiện các bước sau: (1) Xác định động cơ đầu tư: Tại sao, cái gì, khi nào, ai và như thế nào? (2) Những cơ sở cho sự lựa chọn: Đội ngũ, phương pháp, công cụ. (3) Xây dựng hồ sơ mời thầu. (4) Xây dựng các ví dụ kiểm tra. (5) Lựa chọn nhà cung cấp.

3.2.3 Giải pháp thiết kế bộ mã hóa thông tin kế toán

Yêu cầu của việc mã hóa thông tin kế toán:

Phần mềm kế toán dù rất tốt nhưng mã hóa thông tin không tốt thì sẽ khó thành công. Do vậy, yêu cầu của bộ mã được thiết kế phải đảm bảo các yếu tố như: không dư thừa, gợi nhớ, dễ bổ sung và nhất quán trong các đối tượng được mã hóa.

Giải pháp thiết kế mã hóa thông tin kế toán cơ bản:

Công tác mã hóa kế toán trên máy của bất kỳ dạng nghiệp vụ kế toán nào cũng cần phải có: (1) Bộ mã chứng từ, (2) Bộ mã khách hàng. (3) Bộ mã hàng tồn kho.

Giải pháp thiết kế bộ mã hệ thống tài khoản kế toán:

Trong hệ thống mã hóa, mã tài khoản là quan trọng nhất, có thể coi như là trái tim của toàn hệ thống. Khi xây dựng cơ sở dữ liệu cho phần mềm kế toán, các yếu tố cơ bản sau đây phải được chú ý thống nhất: (1) Thiết kế về độ dài số hiệu tài khoản; (2) Phân loại tài khoản (tài khoản thuộc Bảng cân đối kế toán, tài khoản thuộc bảng kết quả hoạt động kinh doanh); (3) Thiết kế trạng thái tài khoản (tài khoản tổng hợp, tài khoản chi tiết);…

3.2.4 Giải pháp tổ chức hệ thống kiểm soát nội bộ trong môi trường tin học

Trong môi trường tin học hóa, có khá nhiều rủi ro xảy ra, vì vậy, phải có giải pháp phòng ngừa như: Kiểm soát việc tiếp cận cơ sở dữ liệu của người dùng; Bảo vệ việc lưu trữ cơ sở dữ liệu và tài liệu của doanh nghiệp; Bảo vệ toàn bộ hệ thống phần cứng và phần mềm.

3.3 CÁC GIẢI PHÁP VỀ TỔ CHỨC THIẾT KẾ PHẦN MỀM KẾ TOÁN

3.3.1 Giải pháp về thiết kế phần mềm dành cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa

Loại phần mềm dành cho doanh nghiệp nhỏ và vừa nên thiết kế thành một gói sao cho phải có các mô-đun cơ bản như: Mô-đun hệ thống; Mô-đun kế toán thu chi; Mô-đun kế toán tiền gởi ngân hàng; Mô-đun kế toán hàng tồn kho; Mô-đun kế toán bán hàng; Mô-đun kế toán công nợ; Mô-đun kế toán tổng hợp.

3.3.2 Giải pháp thiết kế dành cho doanh nghiệp qui mô lớn

Loại phần mềm này là nền tảng của một hệ thống hoạch định nguồn lực doanh nghiệp (ERP - Enterprise Resource Planning), các mô-đun sau đây cần được thiết kế dành cho loại hình doanh nghiệp có qui mô lớn, được phân thành năm nhóm:

- Nhóm thứ nhất, các mô-đun về bán hàng: Mô-đun nhận đơn đặt hàng; Mô-đun bán hàng hóa dịch vụ; Mô-đun công nợ phải thu; Mô-đun phân tích bán hàng; Mô-đun quản lý quan hệ khách hàng; Mô-đun bán lẻ; Mô-đun thương mại điện tử.

- Nhóm thứ hai, nhóm mô-đun mua hàng: Mô-đun đặt mua hàng; Mô-đun kiểm soát hàng tồn kho; Mô-đun công nợ phải trả;

- Nhóm thứ ba, các mô-đun quản lý nguồn lực: Mô-đun tài sản cố định; Mô-đun quản lý nhân sự - tiền lương;

- Nhóm thứ tư, các mô-đun quản lý sản xuất: Mô-đun hoạch định tài nguyên vật liệu; Mô-đun tính giá thành sản phẩm;

- Nhóm thứ năm, các mô-đun quản lý tài chính: Mô-đun sổ cái – báo cáo tài chính; Mô-đun quản lý tiền; Mô-đun vấn tin; Mô-đun chuyển đổi tiền tệ; Mô-đun lập dự toán và dự báo; Mô-đun quản lý dự án.

3.4 CÁC KIẾN NGHỊ HỖ TRỢ ĐỂ NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG SỬ DỤNG PHẦN MỀM KẾ TOÁN

3.4.1 Đối với Nhà nước

Các quy định pháp luật về tổ chức hệ thống thông tin kế toán trong điều kiện tin học hóa:

Đối với 4 tiêu chuẩn như đã ban hành theo thông tư 103/2005/TT-BTC của Bộ Tài chính về tiêu chuẩn và điều kiện phần mềm kế toán, cần bổ sung thêm 3 tiêu chuẩn sau đây: (1) Tiêu chuẩn thứ năm: "Tiêu chuẩn không thể đổi lại các bút toán"; (2) Tiêu chuẩn thứ sáu: "Tiêu chuẩn có thể kiểm tra lại"; (3) Tiêu chuẩn thứ bảy: "Tiêu chuẩn tiện dụng".

Chiến lược ứng dụng công nghệ thông tin:

Nằm trong "Chiến lược phát triển công nghệ thông tin và truyền thông Việt Nam đến năm 2010 và định hướng đến năm 2020", kiến nghị Nhà nước cần xem tin học hoá trong doanh nghiệp

là một khâu đột phá quan trọng đồng hành cùng với tin học hoá trong cơ quan quản lý hành chính để xây dựng Chính phủ điện tử. Do vậy, Nhà nước cần có những giải pháp cụ thể để đạt được mục tiêu và nội dung đã đề ra.

Hỗ trợ ứng dụng:

Việt Nam có tới 96,81% doanh nghiệp [49] thuộc nhóm nhỏ và vừa, vốn ít cho nên cần phải có sự hỗ trợ của Nhà nước để thực hiện mục tiêu của Chính phủ về tin học hóa công tác quản lý nói chung và công tác kế toán nói riêng. Các kiến nghị hỗ trợ:

- *Các chính sách trợ giúp đầu tư tin học hóa*: Như trợ giúp kinh phí để Hội kế toán, Hiệp hội doanh nghiệp nhỏ và vừa tư vấn và đào tạo nguồn nhân lực ứng dụng công nghệ thông tin cho doanh nghiệp.

- *Thành lập các Trung tâm Công nghệ thông tin:* Chuyên thiết kế các phần mềm ứng dụng cho quản lý doanh nghiệp nói chung và phần mềm kế toán nói riêng.

- *Thực hiện hợp tác quốc tế:* Để xúc tiến phát triển doanh nghiệp học tập kỹ thuật tổ chức sử dụng hệ thống thông tin kế toán.

- *Thành lập Hội đồng khuyến khích phát triển ứng dụng công nghệ thông tin:* Nhằm hỗ trợ, tư vấn giải pháp ứng dụng công nghệ thông tin cho doanh nghiệp, vừa làm nhiệm vụ tư vấn cho Chính phủ về cơ chế, chính sách khuyến khích phát triển ứng dụng tin học hóa doanh nghiệp.

3.4.2 Đối với doanh nghiệp

Đầu tư công nghệ phần cứng và phần mềm:

Kiến nghị doanh nghiệp cần xây dựng ngân sách đầu tư cho dự án tin học hóa công tác quản lý nói chung và kế toán nói riêng. Các giai đoạn đầu tư: (1) Xây dựng chiến lược đầu tư; (2) Tiến hành mua sắm; (3) Triển khai; (4) Bảo trì và nâng cấp.

Thông tin nhận thức:

Triển khai ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý doanh nghiệp, đặc biệt là triển khai phần mềm kế toán là công việc gian nan, đòi hỏi nhiều công sức và đồng tâm hợp lực của tất cả mọi người trong doanh nghiệp. Vì vậy, doanh nghiệp cần nhận thức việc ứng dụng hệ thống quản trị bằng phần mềm sẽ cải tiến các dịch vụ đáp ứng khách hàng, gia tăng năng lực cạnh tranh, tăng doanh thu, lợi nhuận, giảm chi phí...

3.4.3 Đối với công tác đào tạo

Việc triển khai cơ giới hóa công tác kế toán nếu có đủ quy chế chính sách, có môi trường thuận lợi, có đủ cơ sở hạ tầng đảm bảo,… mà trình độ tin học chưa đáp ứng được các kỹ năng cần thiết về sử dụng máy tính và phần mềm trong bộ máy tổ chức của doanh nghiệp thì hiệu quả chắc chắn sẽ không đạt như mong muốn. Do đó, giải pháp biết sử dụng máy vi tính sẽ là một đòi hỏi bắt buộc khi tuyển dụng vào làm việc trong môi trường điện toán hóa. Xin kiến nghị giải pháp đánh giá các kỹ năng sử dụng máy tính của người làm kế toán như sau: (1) Tiến hành kiểm tra xem các kỹ năng công nghệ thông tin cơ bản, chẳng hạn có Chứng chỉ tin học Quốc tế (The International Computer Driving Licences – ICDL). (2) Người làm kế toán ngoài việc có những kiến thức về tin học cơ bản như trên cần phải có khả năng chuyên môn về tin học kế toán. Vì vậy, việc đào tạo tại các trường có ngành kế toán phải tập trung nâng cao chất lượng môn học "Hệ thống thông tin kế toán" gồm các nội dung như: Tổ chức công tác kế toán trong điều kiện ứng dụng công nghệ thông tin; Khảo sát và phân tích hệ thống thông tin kế toán; Thiết kế và lựa chọn cơ sở dữ liệu để lưu trữ và xứ lý thông tin; Chọn lựa, sử dụng phần mềm kế toán,… là vấn đề hết sức cần thiết.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 3

Trọng tâm Chương 3 nhằm giải quyết nội dung chính của luận án. *Trước hết*, luận án đưa ra các quan điểm về tổ chức hệ thống thông tin trong các doanh nghiệp. *Thứ hai*, vẫn biết rằng việc tổ chức sử dụng phần mềm kế toán đã có nhiều doanh nghiệp thực hiện, tuy nhiên việc đánh giá đúng và khai thác tiềm năng của công nghệ thông tin mang lại thì chưa nhiều. Do đó, luận án đã đưa ra các giải pháp để nâng cao chất lượng tổ chức sử dụng như khảo sát để xây dựng kế hoạch tin học hóa, quy trình chọn lựa phần mềm, thiết kế bộ mã hóa thông tin kế toán. Đặc biệt, thiết kế bộ mã phân tích phục vụ cho kế toán quản trị. *Thứ ba*, nhằm đồng bộ hóa với giải pháp tổ chức sử dụng, luận án đưa ra các giải pháp thiết kế phần mềm kế toán phù hợp với đặc điểm, quy mô doanh nghiệp Việt Nam. *Cuối cùng*, là các kiến nghị với Nhà nước, doanh nghiệp, các cơ sở đào tạo về ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác kế toán.

KẾT LUẬN

Bước sang kỷ nguyên mới, kỷ nguyên của công nghệ thông tin, hòa cùng với bối cảnh chung của nền kinh tế thế giới. Đất nước ta đang bước vào thời kỳ công nghiệp hóa hiện đại hóa, mà một trong những bước đi nhanh nhất là ứng dụng công nghệ thông tin trong mọi lĩnh vực. Kế toán là hệ thống thông tin, là ngôn ngữ kinh doanh, một hệ thống thông tin kế toán tốt sẽ cung cấp các thông tin chính xác, kịp thời, đầy đủ, trung thực, có độ tin cậy cao và hữu dụng.

Trên cơ sở lý luận tổng quan về kế toán, hệ thống thông tin kế toán và phần mềm kế toán; Nghiên cứu thực trạng việc thiết kế

và tổ chức sử dụng các phần mềm kế toán doanh nghiệp hiện nay. Qua các Phiếu khảo sát và thống kê kinh nghiệm của bản thân đã từng thiết kế cũng như sử dụng các phần mềm kế toán khác nhau. Luận án đưa ra những giải pháp như giải pháp tổ chức sử dụng hiệu quả phần mềm kế toán, trong đó nhấn mạnh đến công tác khảo sát để xây dựng hệ thống thông tin kế toán trong điều kiện ứng dụng công nghệ thông tin. Đề xuất quy trình lựa chọn phần mềm kế toán thích hợp với quy mô đặc điểm của từng doanh nghiệp; đưa ra phương pháp thiết kế bộ mã hóa thông tin kế toán phục vụ cho kế toán tài chính, đặc biệt phục vụ công việc của kế toán quản trị.

Để đồng bộ hóa với giải pháp tổ chức sử dụng, tác giả cũng đề xuất giải pháp về tổ chức thiết kế phần mềm kế toán. Đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa thì thiết kế các mô-đun có tính trọn gói cho họ xử lý tất cả các nghiệp vụ cơ bản để cung cấp thông tin điều hành doanh nghiệp. Đối với doanh nghiệp có quy mô lớn, giải pháp đưa ra là thiết kế các mô-đun riêng biệt, mỗi mô-đun là một giải pháp về quản lý từ chi tiết đến tổng hợp, trong đó có cả các chức năng và vai trò của kế toán tài chính và kế toán quản trị.

Ngoài ra, luận án còn kiến nghị Nhà nước cần hoàn thiện các nguyên tắc và tiêu chuẩn về phần mềm kế toán; cụ thể hóa chiến lược ứng dụng công nghệ thông tin và hỗ trợ việc ứng dụng. Đối với doanh nghiệp, đưa ra phương hướng đầu tư vào phần cứng và phần mềm cũng như xác định sự cần thiết phải tin học hóa qua nhận thức của từng con người. Đồng thời kiến nghị giải pháp đào tạo lực lượng lao động là các nhân viên kế toán có kiến thức về công nghệ thông tin ở các cơ sở đào tạo ngành kế toán.

Những kiến nghị trong luận án chỉ mới là những kết quả nghiên cứu ban đầu và cũng còn khá mới mẻ, mặc dù có nhiều nỗ lực của bản thân nhưng do khả năng có hạn và thời gian nghiên cứu cũng hạn chế, vì vậy luận án không tránh khỏi những khiếm khuyết.

Kính mong được quý Thầy Cô, các đồng nghiệp, các nhà nghiên cứu quan tâm giúp đỡ chỉ ra những sai sót và hướng nghiên cứu mới để luận án hoàn thiện hơn./.